TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/DS-PT
Ngày 23 - 5 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Bà Nguyễn Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị B (B), sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố H, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hữu H, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang, theo ủy quyền ngày 09/3/2021 (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1978 (có mặt).

2. Chị Ngô Thị Cẩm N1, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: khu phố N, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng bị đơn chị Ngô Thị Cẩm N1: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q - Văn phòng Thụy Q, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Lê Thị B – nguyên đơn; Anh Nguyễn Thanh N, chị Ngô Thị Cẩm N1 – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày: Từ năm 2013 đến năm 2015 chị cho vợ chồng chị N1, anh N vay tiền nhiều lần tổng cộng 946.000.000 đồng. Đến ngày 04/01/2017 vay thêm 2.000.000.000 đồng, các bên chốt nợ nên vợ chồng anh N ký biên nhận nợ là 2.946.000.000 đồng, lãi vay 3%/tháng.

Sau đó chị tiếp tục cho vợ chồng chị N1, anh N vay thêm nhiều khoản gồm: Tiền hốt hụi 245.000.000 đồng, 07 lượng vàng 24k, loại 9999 (trả được 01 lượng, còn nợ 06 lượng) và vay thêm 7.000 USD để đi cầm. Các bên thống nhất quy thành tiền nợ là 198.000.000 đồng, tiền cầm sổ ghe 100.000.000 đồng. Tổng cộng 3.489.000.000 đồng, tiền nợ 05 đầu hụi chị N1 nhờ chị đóng là 989.000.000 đồng. Đến ngày 12/4/2018 chị và chị N1 kết toán nợ như sau:

- Tiền nợ vay 2.000.000.000 đồng;

- Tiền nợ hụi 740.000.000 đồng;

- Tiền lãi 913.000.000 đồng. Tổng cộng 4.153.000.000 đồng (bốn tỷ một trăm năm mươi ba triệu đồng).

Chị nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị N1, anh N trả nợ nhưng chị N1 khất nợ. Chị có làm đơn yêu cầu, ngày 19/10/2018 Ban nhân dân khu phố N thị trấn (nay phường) A hòa giải nhưng vợ chồng chị N1 chỉ đồng ý trả 10.000.000 đồng/tháng, chị không đồng ý.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N trả số tiền nợ là 4.412.562.000 đồng, trong đó nợ gốc 4.153.000.000 đồng và tiền lãi tính 1,125%, tạm tính từ ngày 12/4/2018 đến ngày 12/10/2018 là 259.562.500 đồng và tiếp tục trả lãi đến ngày xét xử sở thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Hữu H trình bày: Thống nhất theo nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà B. Ông H bổ sung như sau, tại đơn kiện ngày 30-10-2018 bà B yêu cầu vợ chồng chị trả lãi 1.125% là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật vì theo luật củ, luật dân sự mới quy định lãi 1,66%/tháng.

Được tính như sau (từ ngày 12/4/2018 đến ngày 11/01/2022) là 44 tháng lẻ 29 ngày x 1,66%/tháng x 4.153.000.000đ = 3.099.964.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 7.252.964.000đ (bảy tỷ hai trăm năm mươi hai triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Bị đơn anh Nguyễn Thanh N, chị Ngô Thị Cẩm N1 trình bày: Thừa nhận mức lãi các bên thỏa thuận là 3%/tháng, không thừa nhận khoản nợ gốc là

4.153.000.000 đồng. Quá trình làm ăn với chị B, chị N1 có tự ghi sổ tay để theo dõi, thể hiện như sau:

Ngày 19/11/2013 vay 200.000.000 đồng; Ngày 26/11/2013 vay 40.000.000 đồng; Ngày 13/11/2013 vay 100.000.000 đồng; Ngày 03/02/2014 vay 340.000.000 đồng; Ngày 10/02/2014 vay 200.000.000 đồng; Ngày 27/02/2014 vay 100.000.000 đồng; Ngày 07/02/2014 vay 640.000.000 đồng; Ngày 10/3/2014 vay 140.000.000 đồng; Ngày 02/3/2016 kết nợ gốc là 1.700.000.000 đồng.

Ngày 25/3/2016 vay 800.000.000 đồng, kết nợ 2.500.000.000 đồng, có đóng lãi cho chị B mỗi tháng 75.000.000 đồng. Đến tháng 12/2016 hai bên tự tính, còn nợ lãi là 446.000.000 đồng. Đến đầu tháng 01/2017 chị N1 ký biên nhận nợ 2.946.000.000 đồng trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, nợ lãi 446.000.000đ nhưng chị B nhập vào nợ gốc yêu cầu chị N1 trả lãi mỗi tháng 3% là 90.000.000 đồng. Thừa nhận có vay 7.000 USD và 7 lượng vàng 24k nhưng đã trả được 02 lượng, còn nợ 5 lượng. Các bên có thỏa thuận chị N1 đóng hụi chết cho chị B số tiền 1.170.000.000 đồng, đồng ý cấn trừ số tiền hụi vào tiền nợ cho chị N1. Trong tiền nợ hụi đã đóng lãi được 430.000.000 đồng, còn nợ 740.000.000 đồng. Theo yêu cầu của chị B, trả cho ông H 1.000.000.000 đồng cấn vào nợ gốc, trả tiền hùn làm mực tại Hà Tiên 146.000.000 đồng, nên nợ gốc giảm còn 1.800.000.000 đồng. Tháng 4/2018 đóng lãi cho ông H 300.000.000 đồng có biên nhận, còn nợ ông H 700.000.000 đồng. Chị N1, chị B tính lại chỉ còn 1.800.000.000 đồng nợ gốc, nợ ông H 700.000.000 đồng, nợ hụi chết 740.000.000 đồng, nợ lãi sau khi cấn trừ tiền đồ chị B thiếu là 913.000.000 đồng.

Năm 2019 chị B kiện yêu cầu chị N1 trả số tiền 4.153.000.000 đồng, chị N1 xin trả mỗi tháng 50.000.000 đồng nhưng chị B không đồng ý, chị B tiếp tục khởi kiện ra Tòa, chị N1 tính tiền lãi và tiền mua đồ là 105.000.000 đồng yêu cầu chị B trừ ra nhưng chị B không đồng ý.

Nay vợ chồng chị N1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị B, buộc vợ chồng chị N1 trả số tiền nợ gồm vốn và lãi là 7.252.964.000 đồng. Vợ chồng chị N1 xác định chỉ còn nợ bà B số tiền gốc là 1.800.000.000 đồng, nợ ông H 700.000.000 đồng, nợ hụi chết là 740.000.000 đồng. Chị B còn nợ lại vợ chồng chị N1 là 445.000.000 đồng gồm tiền mua đồ 105.000.000 đồng và cộng nhầm tiền lãi là 340.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi đã trả và khấu trừ các khoản nợ chị B nợ vợ chồng chị N1.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B.

2. Buộc vợ chồng chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N trả cho chị Lê Thị B số tiền 5.891.061.000 đồng (năm tỷ tám trăm chín mươi mốt triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B vợ chồng chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N trả cho bà Lê Thị B số tiền 1.361.902.000 đồng (một tỷ ba trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng).

Án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 bị đơn chị Ngô Thị Cẩm N1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chị còn thiếu chị B số tiền gốc 3.240.000.000 đồng, tiền lãi 882.500.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 4.122.500.000 đồng, yêu cầu xem xét cho chị được trả dần.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 bị đơn anh Nguyễn Thanh N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp H thẩm sửa bán án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với anh. Bởi vì, ngay từ khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đến nay, anh đã nhiều lần khẳng định là anh không vay mượn tiền gì của chị B. Do đó, không đồng ý toán số tiền cho chị B như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 25/01/2022 nguyên đơn chị Bê Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết xác định số tiền 4.153.000.000 đồng là tiền gốc mà chị N1, anh N nợ chị; tiền lãi là 3.102.291.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 7.255.291.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Lê Thị B thay đổi yêu cầu là giảm tiền lãi xuống cho vợ chồng chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N là tổng gốc và lãi là 5.500.000.000 đồng và yêu cầu chị N1, anh N trả một lần.

Bị đơn chị Ngô Thị Cẩm N1 thay đổi yêu cầu là thống nhất với chị B giảm tiền lãi, chị đồng ý trả nợ cho chị Lê Thị B số tiền gốc và lãi là 5.500.000.000 đồng và thống nhất trả một lần.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh N rút toàn bộ đơn kháng cáo và đồng ý cùng vợ là chị Ngô Thị Cẩm N1 trả số tiền gốc và lãi 5.500.000.000 đồng cho chị B và thống nhất trả một lần.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Ngô Thị Cẩm N1 thống nhất theo yêu cầu của bị đơn chị N1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự nguyện thỏa thuận của các đương sự và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh N. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Thanh N rút toàn bộ đơn kháng cáo và đồng ý cùng vợ là chị Ngô Thị Cẩm N1 cùng trả nợ cho chị B. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Thanh N.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Lê Thị B với bị đơn cho chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: vợ chồng chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N đồng ý trả số tiền nợ gốc 3.240.000.000 đồng, tiền lãi là 2.260.000.000 đồng, tổng cộng là 5.500.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm triệu đồng) và trả một lần cho nguyên đơn chị Lê Thị B.

Sự thỏa thuận giữa chị B với chị N1, anh N là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Trong thảo luận và N án, Hội đồng xét xử thống nhất: Chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị B được tòa chấp nhận một phần yêu cầu nên phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận là [1.755.291.000 đồng = 36.000.000đ + (955.291.000 đồng x 3%) = 64.658.730 đồng] (sáu mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi đồng). Khấu trừ vào số tiền 56.206.000đ chị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008242 ngày 09/01/2019. Chị B phải nộp thêm số tiền là 8.452.730 đồng (tám triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N chịu án phí trên số tiền 5.500.000.000 đồng = 112.000.000 đồng + (1.500.000.000 đồng x 0,1%) = 113.500.000 đồng (một trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị B, bị đơn chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300 và Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 5 Điều 29 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị B.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Ngô Thị Cẩm N1.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thanh N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn chị Lê Thị B với bị đơn chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N như sau:

Bị đơn chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N trả cho chị Lê Thị B số tiền gốc 3.240.000.000 đồng và tiền lãi là 2.260.000.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi 5.500.000.000 đồng (năm tỷ năm trăm triệu đồng) và trả một lần.

Trường hợp các đương sự không tự nguyện thi hành án thì người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận hoặc theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị B phải chịu án phí là 64.658.730 đồng (sáu mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi đồng) được khấu trừ vào số tiền 56.206.000 đồng chị Lê Thị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008242 ngày 09 tháng 01 tháng 2019. Chị Lê Thị B phải nộp thêm số tiền là 8.452.730 đồng (tám triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

Bị đơn chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N chịu án phí số tiền là 113.500.000 đồng (một trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị B phải chịu án phí H thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí H thẩm đã nộp 300.0000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0004445 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn chị Ngô Thị Cẩm N1, anh Nguyễn Thanh N phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.0000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các lai thu số 0004432, 0004433 cùng ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố P;
- THA dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhiên